

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Thanh, ngày tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Kim,
huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Các công trình hạ tầng kỹ thuật”;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây

dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 16/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Vĩnh Thạnh thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035;

Theo đề nghị của UBND xã Vĩnh Kim tại Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 31/3/2023 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Kim đến năm 2035 và đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 490/TTr-KT&HT ngày 16/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035.

1.2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô quy hoạch

- Thuộc ranh giới xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định; có giới cận cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp xã An Toàn, huyện An Lão;

+ Phía Nam giáp xã Vĩnh Hảo và xã Vĩnh Hiệp;

- + Phía Tây giáp xã Vĩnh Sơn;
- + Phía Đông giáp xã Bók Tới, huyện Hoài Ân.
- Quy mô quy hoạch: 16.023,67 ha.
- Thời kỳ quy hoạch: Đến năm 2035, phân kỳ 5 năm.

2. Tính chất và mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Kim nhằm phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã trong giai đoạn hiện nay và cụ thể hóa các đồ án quy hoạch chung của tỉnh, của huyện và quy hoạch của các ngành trên địa bàn xã một cách đồng bộ.

- Tổ chức không gian tổng thể các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho phù hợp với các dự án lân cận của cấp trên, phù hợp với tiềm năng, động lực phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của huyện Vĩnh Thạnh; Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Vĩnh Kim, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Phát huy lợi thế về vị trí địa lý của xã để phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Xác lập quy mô quỹ đất để chuyển mục đích sử dụng và quyền sử dụng đất, khai thác hợp lý quỹ đất ít có giá trị sử dụng nhằm tạo nguồn tài chính để đầu tư xây dựng hạ tầng. Định hướng sử dụng đất của xã hàng năm một cách hợp lý.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.1. Dự báo phát triển dân số, lao động

- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2022 - 2025 là 1%/năm (trong đó: tăng tự nhiên là 0,9%/năm, tăng cơ học là 0,1%/năm); giai đoạn 2026 - 2035 là 1,0%/năm (trong đó: tăng tự nhiên là 0,8%/năm, tăng cơ học là 0,2%/năm).

- Dân số toàn xã đến năm 2025 là 2.186 người và đến năm 2035 là 2.414 người.

- Lao động: Nguồn lao động đến năm 2025 là 1.371 người, chiếm 62,7% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 30%; đến năm 2035 là 1.514 người, chiếm 63,5% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

a) Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất giai đoạn 2021 - 2025: đạt 11,2% và giai đoạn 2026 - 2035 đạt 12%.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất:
 - + Đến năm 2025: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 70,3%; thương mại - dịch vụ chiếm 27,7%; tiểu thủ công nghiệp 2%;
 - + Đến năm 2035: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 50%; thương mại - dịch vụ chiếm 35%; tiểu thủ công nghiệp 15%.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 28 triệu đồng/người/năm và đến năm 2035 đạt từ 60 - 70 triệu đồng/người/năm.

b) Chỉ tiêu kỹ thuật:

Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Điều 34 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021; QCVN 07:2016/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật" và điều kiện ở địa phương, xác định các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Chỉ tiêu đất xây dựng:
 - + Đất ở tại các khu dân cư mới tối thiểu: 30 m²/người.
 - + Đất công trình công cộng, dịch vụ tối thiểu: 5m²/người.
 - + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 5m²/người.
 - + Đất cây xanh công cộng tối thiểu: 2m²/người.
 - + Đất giao thông đối ngoại: Theo quy hoạch của huyện và tỉnh.
- Các chỉ tiêu kiến trúc:
 - + Nhà ở trong các thôn xóm tầng cao trung bình từ 1 - 3 tầng.
 - + Nhà chia lô mặt đường và khu trung tâm cao trung bình từ 1 - 5 tầng, khuyến khích ≤ 3 tầng.
 - + Các công trình văn hóa, giáo dục tầng cao trung bình từ 1 - 3 tầng.
 - + Các công trình hành chính và các công trình công cộng khác cao trung bình từ 1 - 3 tầng.
- Quy định về quy mô tối thiểu các công trình công cộng, dịch vụ, kỹ thuật:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Trụ sở UBND xã	- Tổng diện tích đất: $\geq 1.000 \text{ m}^2$. - Định mức diện tích đất sử dụng mỗi trụ sở: $\leq 400 \text{ m}^2$.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
			Xây dựng
2	Cấp điện	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ số hộ dùng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: $\geq 95\%$. - Chỉ tiêu cấp điện (giai đoạn dài hạn): <ul style="list-style-type: none"> + Điện năng: ≥ 200 kWh/người/năm. + Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng: $\geq 15\%$ nhu cầu sinh hoạt của xã hoặc cụm xã. + Phụ tải: ≥ 150 W/người. 	Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
3	Trường, điểm trường mầm non	<ul style="list-style-type: none"> - Bán kính phục vụ: ≤ 1 km. - Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 50 chỗ/ 1.000 dân. - Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$. 	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
4	Trường, điểm trường tiểu học	<ul style="list-style-type: none"> - Bán kính phục vụ: ≤ 1 km. - Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 65 chỗ/ 1.000 dân. - Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$. 	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
5	Trường THCS	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 55 chỗ/ 1.000 dân. - Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$. 	
6	Trạm y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Không có vườn thuốc: Diện tích đất $500\text{m}^2/\text{trạm}$. - Có vườn thuốc: Diện tích đất $1.000\text{m}^2/\text{trạm}$. 	
7	Văn hóa, thể thao công cộng (Các hạng mục văn hóa, thể thao công cộng phải kết hợp trong cùng nhóm công trình để đảm bảo sử dụng khai thác)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà văn hóa $1.000\text{m}^2/\text{công trình}$. - Phòng truyền thống $200\text{m}^2/\text{công trình}$. - Thư viện $200\text{m}^2/\text{công trình}$. - Hội trường 100 chỗ/công trình. - Cụm công trình, sân bãi thể thao $5.000\text{m}^2/\text{cụm}$. 	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
8	Chợ, cửa hàng dịch vụ (Tùy theo đặc điểm địa phương có thể bố trí cho xã hoặc liên xã)	- 01 chợ/xã với diện tích 1.500 m ² . - 01 công trình/khu trung tâm 300 m ² .	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
9	Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	01 điểm/xã với diện tích 150 m ² /điểm.	
10	Cấp nước	- Nước cấp cho sinh hoạt: trường hợp cấp nước đến hộ gia đình đảm bảo tối thiểu 60 lít/người/ngày đêm; trường hợp cấp nước đến vị trí lấy nước công cộng đảm bảo tối thiểu 40lít/người/ngày đêm. - Nước cấp cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại hộ gia đình $\geq 8\%$ lượng nước cấp cho sinh hoạt.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
11	Nghĩa trang	Diện tích nghĩa trang tập trung 0,04ha/1.000 người.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

4. Phân khu chức năng

4.1. Quy hoạch phát triển không gian

- Khu trung tâm xã Vĩnh Kim:

+ Theo đồ án Quy hoạch chung xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2020, Khu trung tâm xã thuộc địa phận của thôn Đăk Tra với tổng diện tích 7,61ha là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của xã, tập trung chủ yếu các công trình công cộng và khu dân cư. Hiện nay, khu trung tâm này cơ bản đã được đầu tư, lấp đầy.

+ Định hướng quy hoạch mới: dịch chuyển khu Trung tâm xã thêm khoảng 4,86ha về phía cầu Treo O5. Từ đó, khu trung tâm xã có diện tích khoảng 12,47ha thuộc địa phận của thôn Đăk Tra, là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của xã. Tập trung chủ yếu các công trình như: Trụ sở UBND xã, Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã, Nhà văn hóa xã...; các công trình công cộng quy hoạch mới: Nhà làm việc Công an xã, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, hoa viên cây xanh, trạm xăng dầu, khu thương mại - dịch vụ,...

- Khu dân cư nông thôn: Khu dân cư ở khu trung tâm xã, dọc theo đường liên xã, khu dân cư phía Tây trụ sở UBND xã phát triển theo hình

thái nhà ở kết hợp với kinh doanh dịch vụ; các điểm dân cư tập trung ở các thôn phát triển theo hình thái nhà vườn kết hợp sản xuất nông nghiệp. Hiện tại và trong tương lai, mỗi thôn hình thành các công trình thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân như: Nhà văn hóa, khu thể dục, thể thao,... đảm bảo bán kính phục vụ các điểm dân cư. Phát triển 11 điểm dân cư nông thôn mới được bố trí ở 6 thôn.

- Khu thương mại - dịch vụ: Quy hoạch và xây dựng mới điểm dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn ở phía Bắc trạm khí tượng thủy văn, trạm xăng dầu (0,14ha) phía Nam Trạm kiểm lâm thuộc trung tâm xã.

- Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: được bố trí tại thôn Đăk Tra, vị trí khu trung tâm hành chính xã. Bao gồm một trong các công trình như: Trạm khuyến nông, cửa hàng nông nghiệp, Hợp tác xã nông nghiệp xã Vĩnh Kim.

- Khu sản xuất nông nghiệp: Tiếp tục phát triển các vùng trồng lúa, vùng trồng cây hoa màu nâng cao năng suất, phát triển các khu trồng cây ăn quả và cây công nghiệp có giá trị kinh tế. Phát triển hình thức chăn nuôi gia trại phù hợp với tập quán địa phương, phát triển lợi thế đất rừng lớn áp dụng mô hình chăn nuôi dưới tán cây rừng. Khuyến khích các hộ dân ứng dụng mô hình chăn nuôi kết hợp trồng trọt theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tận dụng phế, phụ phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi; chất thải chăn nuôi lại trở thành phân bón hữu cơ cho cây trồng, góp phần giảm chi phí đầu vào, tăng cao giá trị sản xuất.

- Khu sản xuất lâm nghiệp: Đối với rừng tự nhiên tập trung giao khoán quản lý bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng để quản lý bảo vệ. Đối với rừng sản xuất định hướng quy hoạch trồng rừng cây gỗ lớn và xây dựng cấp chứng chỉ rừng (FSC) trên địa bàn xã.

- Khu đất khoáng sản đá Thạch anh thuộc thôn O5 với diện tích 25,7ha.

- Khu đất khai thác làm vật liệu san lấp phục vụ xây dựng trên địa bàn xã: với diện tích 4,64 ha phục vụ hoạt động xây dựng trên địa bàn xã, một điểm ở thôn O5 (0,2 ha) và một điểm ở thôn K6 (4,64 ha).

- Khu nghĩa trang nhân dân xã: mở rộng 02 nghĩa trang nhân dân thuộc thôn K6 và thôn O5 với diện tích mở rộng cho mỗi nghĩa trang là 01 ha.

4.2. Quy hoạch hệ thống điểm dân cư, khu trung tâm

a) Quy hoạch khu trung tâm xã:

- Quy mô diện tích ranh giới khu trung tâm xã Vĩnh Kim với diện tích 12,19 ha, thuộc địa phận của thôn Đăk Tra.

- Bố trí các công trình công cộng như: Nhà làm việc công an xã, giáo dục, bưu điện, nhà văn hóa xã, khu thể dục, thể thao, hoa viên cây xanh, thương mại - dịch vụ ...

- Hình thức tổ chức nhà ở Bố trí chủ yếu loại nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ dọc theo các trục đường chính của khu trung tâm. Dân cư phía trong bố trí nhà vườn.

STT	Danh mục	Diện tích (ha)
	Tổng cộng	12,47
1	Đất trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã	0,81
2	Đất nhà công vụ xã	0,37
3	Đất CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	2,78
4	Đất trạm y tế xã	0,26
5	Đất bưu điện văn hóa xã	0,02
6	Đất Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Vĩnh Kim	1,33
7	Đất sân vận động xã	0,51
8	Đất an ninh (Quy hoạch Nhà làm việc công an xã)	0,13
9	Đất trạm kiểm lâm	0,07
10	Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	0,12
11	Đất quy hoạch trạm xăng dầu	0,14
12	Đất ở hiện trạng	1,43
13	Đất ở quy hoạch mới khu Trung tâm xã	1,41
14	Đất quy hoạch hoa viên văn hóa sinh hoạt cộng đồng xã	0,28
15	Đất quy hoạch trồng cây xanh cách ly	0,81
16	Nhà bia	0,05
17	Trạm Khí tượng Thủy văn	0,81
18	Đất giao thông	0,38
19	Đất có mặt nước	0,76

b) Quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo thôn, xóm:

Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các khu dân cư cũ tại các thôn:

- Khu dân cư trung tâm xã, quy hoạch 1 điểm với diện tích 1,41 ha, đối diện trạm khí tượng thủy văn, phía Đông đường bê tông hiện hữu.

- Khu dân cư thôn Đăk Tra, quy hoạch 2 điểm với diện tích 4,82 ha, điểm thứ nhất nằm ở phía Bắc khu dân cư hiện hữu, trên đường bê tông và điểm thứ hai nằm ở phía Nam khu dân cư hiện hữu, dưới đường bê tông.

- Khu dân cư thôn O5 quy hoạch 2 điểm, điểm thứ nhất ở phía Bắc

Trường Tiểu học Vĩnh Kim với diện tích 6,4 ha, bố trí hai bên đường bê tông hiện trạng và điểm thứ hai nằm ở phía Nam khu dân cư hiện hữu đến suối Nước Nhóc, diện tích 4,6 ha.

- Khu dân cư thôn O3 quy hoạch 2 điểm, điểm thứ nhất nằm phía Tây Bắc khu dân cư hiện hữu, bố trí hai bên đường bê tông hiện trạng, diện tích 1,42ha và điểm thứ hai là sau lưng nhà ông Đinh Đồi (phía Bắc khu dân cư hiện hữu) diện tích 0,74ha.

- Khu dân cư thôn K6 quy hoạch 2 điểm, điểm thứ nhất nằm dọc theo hai bên đường vào khu sản xuất, diện tích 6,9 ha và điểm thứ hai nằm ở phía Đông suối Nước Lân, diện tích 1,4 ha.

- Khu dân cư thôn Kông Trú quy hoạch 2 điểm, điểm thứ nhất nằm ở phí Tây của thôn, diện tích 0,9 ha và điểm thứ hai nằm phía Bắc điểm Trường Mẫu giáo ở thôn Kông Trú, diện tích 0,48 ha.

c) Quy hoạch các công trình công cộng, dịch vụ:

STT	Công trình	Thôn	Hiện trạng (m ²)	Quy hoạch (m ²)	Tăng (+), giảm (-) (m ²)
1	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã	Đắk Tra	8.088,5	8.088,5	
2	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Vĩnh Kim	Đắk Tra	13.300,1	13.300,1	
3	Trạm Khí tượng thủy văn	Đắk Tra	1.121,4	1.121,4	
4	Điểm Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Vĩnh Kim ở thôn Đắk Tra	Đắk Tra	5.193,7	5.193,7	
5	Sân vận động xã	Đắk Tra	5.071,3	5.071,3	
6	Nhà bia	Đắk Tra	480,0	480,0	
7	Trạm y tế xã	Đắk Tra	2.584,8	2.584,8	
8	Buru điện xã	Đắk Tra	226,6	226,6	
9	Công an xã	Đắk Tra		1.300,0	1.300,0
10	Điểm Trường Mẫu giáo ở thôn Đắk Tra	Đắk Tra	1.242,0	1.242,0	
11	Điểm Trường Tiểu học ở Đắk Tra	Đắk Tra	796,8	796,8	
12	Nhà rông thôn Đắk Tra	Đắk Tra	561,0	1.069,2	508,2
13	Thao trường huấn luyện dân quân	O5		20.000,0	20.000,0

STT	Công trình	Thôn	Hiện trạng (m ²)	Quy hoạch (m ²)	Tăng (+), giảm (-) (m ²)
	tự vệ xã Vĩnh Kim				
14	Trường Mẫu giáo Vĩnh Kim	O5		2.509,0	2.509,0
15	Điểm Trường Tiểu học ở thôn O5	O5	1.080,1	1.080,1	
16	Nhà tránh trú thiên tai	O5		10.000,0	10.000,0
17	Nhà Rông thôn O5	O5	1.179,1	2.179,1	1.000,0
18	Nhà rông thôn O3	O3	732,2	732,2	
19	Sân thể thao thôn O3	O3	1.287,0	1.287,0	
20	Điểm Trường Tiểu học ở thôn O3	O3	1.091,7	1.091,7	
21	Điểm Trường Mẫu giáo ở thôn O3	O3	77,4	77,4	
22	Nhà rông thôn K6	K6	1.068,8	1.068,8	
23	Điểm Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Vĩnh Kim ở thôn K6	K6	5.427,8	5.427,8	
24	Nhà rông thôn Kông Trú	Kông Trú	1.162,1	1.889,6	727,5
25	Điểm Trường Tiểu học ở thôn Kông Trú	Kông Trú	1.043,1	1.043,1	
26	Điểm Trường Mẫu giáo ở thôn Kông Trú	Kông Trú	373,8	373,8	
	Tổng cộng		53.189,3	89.234,0	

5. Định hướng tổ chức không gian xã

5.1. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng

a) Trụ sở cơ quan (Đảng ủy - HĐND - UBND xã): Giữ nguyên vị trí hiện trạng, diện tích 8.088,5m².

b) Trạm Y tế xã Vĩnh Kim: Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại thôn Đăk Tra, diện tích 2.584,8m².

c) Công trình an ninh, quốc phòng:

- Quy hoạch mới trụ sở công an xã Vĩnh Kim diện tích 1.300m². Vị trí thuộc khu trung tâm xã, thôn Đăk Tra.

- Quy hoạch Thao trường huấn luyện dân quân tự vệ xã Vĩnh Kim diện tích 20.000 m² thuộc thôn O5 (hạ lưu suối Nước Nhóc).

d) Bưu điện văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại thôn Đăk Tra, diện tích 226,6m².

đ) *Nhà tránh trú thiên tai*: Quy hoạch mới với diện tích 10.000 m² thuộc thôn O5.

e) *Công trình giáo dục*:

- Giữ nguyên theo hiện trạng Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Vĩnh Kim, diện tích 13.300,1 m² ở thôn Đăk Tra; Điểm Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Vĩnh Kim ở thôn Đăk Tra, diện tích 5.193,7 m² và Điểm Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Vĩnh Kim ở thôn K6, diện tích 5.427,8 m².

- Giữ nguyên theo hiện trạng điểm Trường Tiểu học ở thôn Đăk Tra, diện tích 796,8 m²; điểm Trường Tiểu học ở thôn O3, diện tích 1.091,7 m²; điểm Trường Tiểu học ở thôn O5, diện tích 1.080,1 m² và điểm Trường Tiểu học ở thôn Kông Trú, diện tích 1.043,1 m².

- Quy hoạch xây dựng mới Trường Mẫu giáo Vĩnh Kim, diện tích 2.509 m² ở thôn O5. Các điểm trường mẫu giáo khác giữ nguyên: Điểm Trường Mẫu giáo ở thôn Đăk Tra 1.242 m²; điểm Trường Mẫu giáo ở thôn O3 77,4 m² và điểm Trường Mẫu giáo ở thôn Kông Trú 373,8m².

k) *Công trình văn hóa - thể thao*:

- Khu thể thao xã: Giữ nguyên vị trí hiện trạng ở thôn Đăk Tra, diện tích 5.071,3 m².

- Nhà văn hóa và khu thể thao thôn:

+ Thôn Đăk Tra: Mở rộng diện tích khuôn viên nhà văn hóa và khu thể thao lên thành 1.069,3 m² (tăng thêm 508,2 m²).

+ Thôn O3: Giữ nguyên nhà văn hóa 732,2 m² và khu thể thao 1.287 m².

+ Thôn O5: Mở rộng diện tích khuôn viên nhà văn hóa và khu thể thao lên thành 2.179,1 m² (tăng thêm 1.000 m²).

+ Thôn K6: Giữ nguyên diện tích theo hiện trạng 1.068,8 m².

+ Thôn Kông Trú: Mở rộng diện tích khuôn viên nhà văn hóa và khu thể thao lên thành 1.889,6 m² (tăng thêm 727,5 m²).

+ Thôn O2: Giữ nguyên theo hiện trạng.

5.2. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ

a) *Đối với khu dân cư hiện trạng*:

- Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống: Trong khuôn viên đất ở có nhà chính, nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ...) và các công trình phụ riêng biệt, có sân vườn,...

- Diện tích lô đất ở hộ sản xuất nông nghiệp: Từ 200 m²/hộ trở lên.

- Diện tích lô đất ở hộ kinh doanh, hộ làm nghề: Từ 100 m²/hộ trở lên.

- Mật độ xây dựng tối thiểu 40%.
- Chiều cao tầng khuyến khích ≤ 3 tầng.

b) Đối với khu dân cư mới:

- Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn mới:

TT	Loại đất	(m ² /người)
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	30
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
4	Cây xanh công cộng	2

- Hình thái kiến trúc nhà ở:

+ Nhà sàn kết hợp nhà bê tông cấp 4, khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống: Trong khuôn viên đất ở có nhà chính, nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ...) và các công trình phụ riêng biệt, có sân vườn, ...

- + Diện tích lô đất ở hộ sản xuất nông nghiệp: Từ 200m²/hộ trở lên.
- + Diện tích lô đất ở hộ kinh doanh, hộ làm nghề: Từ 100m²/hộ trở lên.
- + Mật độ xây dựng tối thiểu 60%.
- + Chiều cao tầng từ 1 đến 5 tầng, khuyến khích ≤ 3 tầng.

5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ

5.3.1. Quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp

a) Trồng trọt:

- Sử dụng có hiệu quả đất sản xuất nông nghiệp, áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học trong sản xuất mà trọng tâm là khâu giống và thủy lợi, cơ giới hóa làm đất và thu hoạch để không ngừng tăng năng suất lao động. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất trên 1 đơn vị diện tích canh tác, hình thành vùng sản xuất tập trung cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp chủ lực của xã. Bố trí lại cơ cấu giống cây trồng và mùa vụ để giảm thiệt hại do thiên tai, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu thời tiết của xã; thực hiện đầu tư thâm canh, áp dụng các giống mới có năng suất, chất lượng cao. Ngoài cây lúa để đảm bảo nhu cầu lương thực tại chỗ cho nhân dân, cần tập trung phát triển một số loại cây trồng hàng hoá khác như: Mỳ, ngô, chuối, các loại đậu, măng tre và một số loại cây trồng khác trên địa bàn xã.

- Ứng dụng các tiên bộ kỹ thuật và khoa học công nghệ vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Ngoài ra kết hợp nghiên cứu phát triển các mô hình trồng trọt hiệu quả, chủ lực của xã.

b) Chăn nuôi:

- Tăng quy mô và chất lượng đàn vật nuôi, nâng cao chất lượng con giống được lai tạo, đa dạng hóa sản phẩm vật nuôi trên cơ sở tổ chức mạng lưới thú y cơ sở hoạt động có hiệu quả. Bên cạnh việc tăng tổng đàn một cách hợp lý, phát triển chăn nuôi nông hộ theo hình thức khép kín để đảm bảo vệ sinh môi trường; chăn nuôi dưới tán cây ăn quả, phát triển chăn nuôi dưới tán rừng, ... Đối tượng vật nuôi chính là bò, heo, gà, nai, ...

c) Quy hoạch lâm nghiệp:

Quy hoạch đất lâm nghiệp trên địa bàn xã Vĩnh Kim đến năm 2030 là 13.084,91 ha và ổn định đến năm 2035. Phương án quy hoạch canh tác lâm nghiệp như sau:

- Để phát huy lợi thế của rừng trong thời gian tới, địa phương cần quan tâm giao đất, khoán rừng cho người dân để có chủ quản lý cụ thể, góp phần vào công tác quản lý bảo vệ rừng ở địa phương ngày càng tốt hơn.

- Đối với diện tích đất đồi núi chưa sử dụng ở những vùng đất đủ điều kiện để đưa vào trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên, nhằm tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, góp phần tăng thêm thu nhập.

d) Thủy sản:

Toàn xã hiện tại có diện tích mặt nước ao nuôi cá là 0,78 ha. Đến năm 2035, mở rộng đối tượng nuôi cá nước ngọt trên cơ sở phát triển hồ Thủy điện Vĩnh Sơn 4 và ổn định quy mô diện tích ở các thôn.

5.3.2. Quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ - thương mại nông thôn

- Quy hoạch 02 mỏ đất với diện tích 4,64 ha phục vụ hoạt động xây dựng trên địa bàn xã, một điểm ở thôn O5 (0,2 ha) và một điểm ở thôn K6 (4,44 ha).

- Quy hoạch khu vực đất dành cho hoạt động khai thác khoáng sản đá Thạch anh thuộc thôn O5 với diện tích 25,7 ha.

- Quy hoạch trạm xăng dầu thuộc thôn Đăk Tra, khu vực cầu treo qua thôn O5 diện tích 0,14 ha.

- Quy hoạch 01 khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn thuộc địa bàn thôn Đăk Tra, diện tích 0,12 ha.

5.3.3. Quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất

a) Hệ thống giao thông:

- Đường trục chính nội đồng: Để thuận tiện trong sản xuất nông nghiệp cũng như việc đi lại của nhân dân trong xã, sẽ đầu tư nâng cấp mở rộng, mở mới 9 tuyến đường giao thông với tổng chiều dài 18,05 km. Kết cấu bê tông xi măng, đạt tiêu chuẩn cấp B theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải về giao thông.

- Để phục vụ dân sinh và sản xuất: Đầu tư xây dựng 05 cầu, trong đó: cầu Vực Bà (Thôn Đăk Tra) tích hợp vào tuyến đường kết nối Vĩnh Thạnh – Hoài Ân, 02 cầu ở thôn K6, 02 cầu ở thôn O5.

b) *Hệ thống thủy lợi*: Căn cứ vào hiện trạng hệ thống kênh mương trên địa bàn xã, yêu cầu của địa phương và nguyện vọng của người dân. Kỳ quy hoạch cần đầu tư xây dựng sửa chữa các hệ thống kênh mương phục vụ sản xuất, cụ thể như sau:

- Bê tông xi măng kênh mương ruộng thôn K6 dài 0,5km.

- Kè suối Nước Lân thôn K6, nâng cấp kè suối Nước Dơi thôn O5 với tổng chiều dài 1,8 km.

c) *Hệ thống điện phục vụ sản xuất*: Đầu tư xây dựng mới 02 trạm biến áp và hệ thống đường dây hạ thế (01 trạm thôn Kông Trú, 01 trạm thôn O2).

6. Quy hoạch sử dụng đất

Diện tích, cơ cấu các loại đất: Tổng diện tích tự nhiên: 16.023,67 ha, gồm:

- Đất nông nghiệp: 15.057,34 ha.

- Đất xây dựng: 817,84 ha.

- Đất khác: 148,49 ha.

TT	CHỈ TIÊU	Mã	Hiện trạng năm 2022		Quy hoạch năm 2035		Tăng (+) giảm (-) 2035/2021 (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	Tổng diện tích tự nhiên		16.023,67	100,0	16.023,67	100,0	0,0
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	15.030,38	93,80	15.057,34	93,97	26,96
1.1	Đất trồng lúa	LUA	77,99	0,49	77,79	0,49	-0,20
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.096,23	6,84	1.119,00	6,98	22,77
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	790,84	4,94	769,55	4,80	-21,29
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	1.459,51	9,11	1.447,81	9,04	-11,70
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.604,72	72,42	1.861,60	11,62	-9.743,12
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD			9.775,50	61,01	9.775,50
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,78		0,78	0,00	0,0
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,31		5,31	0,03	5,00

TT	CHỈ TIÊU	Mã	Hiện trạng năm 2022		Quy hoạch năm 2035		Tăng (+) giảm (-) 2035/2021 (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	720,14	4,49	817,84	5,10	97,69
2.1	Đất ở (Đất ở tại nông thôn)	ONT	20,82	2,89	42,60	5,21	21,78
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,46	0,20	1,82	0,22	0,36
2.3	Đất quốc phòng	CQP			2,00	0,24	2,00
2.4	Đất an ninh	CAN			0,13	0,02	0,13
2.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	4,89	0,68	8,89	1,09	4,00
2.6	Đất sản xuất, kinh doanh phi NN	CSK					
2.7	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	149,54	20,77	208,45	25,49	58,91
2.8	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	6,56	0,91	8,56	1,05	2,00
2.9	Đất sông, suối	SON	536,12	74,45	536,12	65,55	
2.10	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,76	0,11	0,76	0,09	
2.11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			8,51	1,04	8,51
3	Nhóm đất chưa sử dụng	DCS	273,15	1,70	148,49	0,93	-124,66

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường

7.1. Giao thông

- Giao thông đối ngoại: Nâng cấp, sửa chữa các tuyến giao thông đối ngoại: ĐT637 kết nối Vĩnh Kim - Vĩnh Sơn; ĐH33 kết nối Vĩnh Kim - Vĩnh Hảo; ĐT630 kết nối Vĩnh Thạnh - Hoài Ân.

- Giao thông đối nội: Giao thông nông thôn: Nâng cấp mở rộng, mở mới 9 tuyến đường giao thông nông thôn với tổng chiều dài 18,05 km. Kết cấu bê tông xi măng, chiều rộng mặt đường 6 m, chiều rộng nền đường 14 m.

- Đầu tư xây dựng 05 cầu: cầu Vực Bà (Thôn Đăk Tra), 02 cầu ở thôn K6, 02 cầu ở thôn O5.

7.2. Thủy lợi

Căn cứ vào hiện trạng hệ thống kênh mương trên địa bàn xã, yêu cầu của địa phương và nguyện vọng của người dân. Kỳ quy hoạch cần đầu tư xây dựng sửa chữa các hệ thống kênh mương phục vụ sản xuất, cụ thể như sau:

- Bê tông xi măng kênh mương ruộng thôn K6 dài 0,5km.

- Kè suối Nước Lân thôn K6, nâng cấp kè suối Nước Dơi thôn O5 với tổng chiều dài 1,8km.

7.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện

Bên cạnh việc duy trì mạng lưới điện hiện có, nâng cấp các tuyến xuống cấp. Kéo mới các tuyến 0,4 Kv vào tất cả các khu sản xuất và các khu dân cư mở mới. Tăng cường công tác thấp sáng làng quê trên địa bàn xã.

- Triển khai tuyến điện quy hoạch từ Dự án Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 4 đi qua thôn O3 và Đăk Tra.

- Đầu tư 3 trạm biến áp và hệ thống đường dây thuộc thôn 02, O3 và Kông Trú để chủ động sử dụng điện trong sản xuất và sinh hoạt.

- Lắp đặt các tuyến điện từ các trạm biến áp hiện hữu theo đường giao thông đi vào các khu sản xuất.

- Trạm hạ áp 22/0,4kV: Giữ nguyên 4 trạm hiện trạng: Trạm K6, Đăk Tra, O5.

- Lưới hạ áp 0,4Kv: Mạng lưới 0,4Kv hiện có vẫn giữ nguyên. Thay thế dần hệ thống cột điện không đảm bảo, bổ sung tuyến đường dây đến thôn Kông Trú; xây dựng lưới điện đến khu dân dân thôn O5.

- Lưới điện chiếu sáng: Hệ thống điện chiếu sáng các đường trục chính của xã, đường khu trung tâm xã đã được đầu tư. Trong thời gian tới, vận động người dân địa phương phối hợp với UBND xã Vĩnh Kim tiếp tục đầu tư lắp hệ thống điện thấp sáng đường làng, ngõ xóm phục vụ cho việc đi lại của người dân và đảm bảo được an ninh, trật tự trên địa bàn xã.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Với tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt 80 lít/người/ngày đêm và quy mô dân số toàn xã đến năm 2025 khoảng 2.186 người và định hướng đến năm 2035 khoảng 2.414 người; lượng nước cần cung cấp cho toàn xã như sau:

- + Đến năm 2025: Khoảng 275,42 m³/ngày đêm.

- + Đến năm 2035: Khoảng 313,32 m³/ngày đêm.

7.5. Quy hoạch thoát nước

- Thoát nước mưa: Thoát theo địa hình tự nhiên và thông qua hệ thống cống rãnh gắn với xây dựng đường giao thông.

- Thoát nước thải:

- + Khu trung tâm xã, khu quy hoạch dân cư mới bằng cống tròn bê tông cốt thép D400 ÷ D2.000, bố trí hệ thống xử lý đảm bảo yêu cầu trước khi thoát ra môi trường tự nhiên.

- + Đối với các điểm dân cư ở các thôn vận động nhân dân xây dựng hệ thống xử lý nước thải thông qua hầm rút (hố xí, nhà tắm). Nước thải chăn nuôi vận động nhân dân xử lý theo công nghệ Biogas.

7.6. Quy hoạch vệ sinh môi trường

a) *Chất thải rắn (CTR):*

- Thu gom CTR: Thực hiện phân loại rác tại nguồn.

+ Đối với rác thải sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân, cơ quan, trường học, cơ sở kinh doanh, hộ kinh doanh, dịch vụ ăn uống giải khát, ... UBND xã Vĩnh Kim ký kết hợp đồng với đơn vị có năng lực để thu gom rác chuyên dụng về bãi rác chung của huyện để xử lý.

+ Đối với các hộ gia đình trong thôn mà nằm xa các tuyến đường, có vườn rộng thì Ban nhân dân các thôn vận động, hướng dẫn người dân phân loại rác, chôn lấp, tiêu hủy theo đúng quy định.

b) *Nghĩa trang:* Nghĩa trang nhân dân ở các thôn trên địa bàn xã đã có quy hoạch và đi vào hoạt động. Tuy nhiên, để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện, xã. Quy hoạch mở rộng 02 nghĩa trang nhân dân thuộc thôn K6 và thôn O5 với diện tích mở rộng cho mỗi nghĩa trang là 01 ha.

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

a) *Danh mục, công trình ưu tiên đầu tư:*

- Dự án Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 4.

- Đầu tư bê tông hoá các tuyến đường trục xã, đường trục thôn, xóm và đường trục chính giao thông nội đồng.

- Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, các khu vực quy hoạch giãn dân.

- Quy hoạch điểm dân cư mới ở thôn K6.

- Đầu tư xây dựng khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn ở Đăk Tra.

- Đầu tư xây dựng nhà tránh trú thiên tai ở thôn O5.

- Đầu tư bê tông hoá kênh mương nội đồng thôn K6.

- Nâng cấp, xây mới hệ thống kè suối Nước Lân và kè suối Nước Dơi phục vụ cho sản xuất.

- Nâng cấp, bổ sung và sửa chữa các hạng mục hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội để đáp ứng đạt được các tiêu chí nông thôn mới trong thời gian tới.

b) *Vốn đầu tư:*

Tổng khái toán vốn đầu tư: 734.018 triệu đồng. Trong đó:

- Kinh phí đầu tư giai đoạn 2023 - 2025: 643.622 triệu đồng.

- Kinh phí đầu tư giai đoạn 2026 - 2035: 90.396 triệu đồng.

9. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch

Sau khi Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 được phê duyệt; UBND xã Vĩnh Kim có trách nhiệm xây dựng Quy định quản lý quy hoạch xây dựng có tích hợp quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư để trình UBND huyện phê duyệt, làm căn cứ quản lý xây dựng trên địa bàn xã theo quy hoạch này.

10. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện đồ án quy hoạch

- Thời gian thực hiện quy hoạch đến năm 2035.

- Sau khi Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 được phê duyệt; UBND xã Vĩnh Kim có trách nhiệm tổ chức công khai quy hoạch, lập quy hoạch xây dựng chi tiết các điểm dân cư và những công trình, dự án cụ thể để trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt, làm căn cứ tổ chức đầu tư xây dựng theo quy định.

Điều 2. Giao UBND xã Vĩnh Kim chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND xã Vĩnh Kim chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, K2, KT&HT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Thông